

HOA NÔNG NỮ CHÔ

Bữa ăn :Ăn Chính
Nỗ tuổi :Mau giao
Tong số tre :300

Sang : Mì gọi thòt bo nam mỗp ca rot gia
rau hung
Sõa grow
Trõa : Côm thòt kho tieu
Canh ngheu nau bau thòt heo nạc ngo rí
Mon luoc: cải thìa
Xe: sũa chua ương cam
Xe chieu: Chao thòt lồn khoai mon ca rot
rau hung

Số Tiền Trên Mỗi Tre 36976				
STT	Tên thức phẩm	Khối lượng(g)	Nôn gia(ñ/100g)	Thanh tiền(ñ)
*CHÔ				
1	Rạm (muoi)	3,000	1,060	31,800
2	Ngheu	5,000	6,300	315,000
3	Lồn	3,500	28,670	1,003,450
4	Nộc mầm Ca (loại 1)	3,000	6,160	184,800
5	Dầu thảo mộc	3,000	6,280	188,400
6	Nông cat	3,000	3,880	116,400
7	Dầu mè	1,000	3,870	38,700
8	Hạt tiêu	100	31,900	31,900
9	Xì dầu	1,000	990	9,900
10	Gạo tẻ may	22,000	2,630	578,600
11	Hạnh lã	1,500	8,400	126,000
12	Hạnh cụ tỏi	1,000	6,300	63,000
13	Mỗp	2,500	4,520	113,000
14	Nam rôm	500	14,180	70,900
15	Gia nâu xanh	1,000	2,730	27,300
16	Ca rot	5,000	5,670	283,500
17	Rau hung	200	12,920	25,840
18	Bí (bau)	10,000	4,730	473,000
19	Khoai mon	3,500	6,620	231,700
20	Rau ngo (Rau mui)	100	8,930	8,930
21	Cải thìa	3,500	6,510	227,850
22	Mì gọi	12,500	4,500	562,500
23	Thòt lồn nạc	12,500	17,850	2,231,250
24	Thòt bo loại 1	3,000	37,800	1,134,000
25	Sũa chua Daisy(1 lo)	30,000	5,950	1,785,000
Cong				9,862,720
*XUAT KHO				
26	Sũa bot Abbot Grow	6,000	20,500	1,230,000
Cong				1,230,000
Tong tien thức phẩm				11,092,720 ñ
Chi phí khác				0(ñ)
Tien nộc chi trong ngày				11100000(ñ)
So đồ nâu ngày				0(ñ)
So đồ cuối ngày				7280(ñ)
Xuất ăn luy ke tở nâu thang				
Tieu chuan luy ke tở nâu thang				
Tien chi luy ke tở nâu thang				